

Số: **20** /2023/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **04** tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với
nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước
trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học
và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của
Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và
công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản
quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí
ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của
Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn
phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có
sử dụng ngân sách nhà nước;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 218/TTr-STC ngày 07 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023 và thay thế Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành định mức xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Yên Bái; Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành định mức xây dựng, phân bổ, dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra)
- Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh;
- Phó CVP (TH) UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NLN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Huy Tuấn



QUY ĐỊNH

Định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 20 /2023/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ; cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước.
2. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng định mức xây dựng dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các định mức xây dựng dự toán kinh phí ngân sách Nhà nước quy định tại Quy định này là định mức tối đa áp dụng chung thống nhất đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước cấp tỉnh, cấp cơ sở thực hiện trên địa bàn tỉnh Yên Bái.
2. Các định mức chi khác làm căn cứ để xây dựng dự toán của nhiệm vụ khoa học và công nghệ không quy định cụ thể tại Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ
 - a) Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện

nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định cụ thể như sau:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ tối đa 28 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, tối đa 14 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

- Đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

Trường hợp thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không đủ một tháng, dự toán chi thù lao được tính theo mức thù lao của số ngày tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của chức danh hoặc nhóm chức danh tương ứng. Mức thù lao ngày được tính trên cơ sở mức thù lao của một tháng chia cho 22 ngày.

b) Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN, trong đó định mức thù lao thực hiện nhiệm vụ theo tháng của chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ (DM_{CN}) tính theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này.

c) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có) thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Dự toán thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

a) Chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Tổng dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.

b) Chi thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo biên bản thương thảo nội dung yêu cầu công việc và mức thù lao chuyên gia giữa tổ chức đăng ký chủ trì và chuyên gia ngoài nước. Tổng dự toán thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.

3. Dự toán mua vật tư, nguyên, nhiên vật liệu; sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính.

4. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu: Thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày

10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tiêu hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước; Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí; Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Ngoài ra, quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tham gia hội thảo diễn đàn, tọa đàm đối với các nhiệm vụ khoa học cấp tỉnh, cấp cơ sở như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa	
			<i>Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh</i>	<i>Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở</i>
1	Người chủ trì	01 Hội thảo	1.400	700
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	01 Hội thảo	350	180
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	01 Báo cáo	2.100	1.050
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	01 Báo cáo	1.050	530
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	01 người/ 01 Hội thảo	210	100

5. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định nội dung chi, mức chi của các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Yên Bái do ngân sách địa phương bảo đảm.

6. Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại số thứ tự 3a, 3b điểm a khoản 1 Điều 5 Quy định này.

7. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định cụ thể như sau:

a) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Bằng 4% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/nhiệm vụ.

b) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở: bằng 4% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước nhưng tối đa không quá 25 triệu đồng/nhiệm vụ.

8. Các khoản chi khác liên quan đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện dự toán theo thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Điều 5. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở

a) Chi tiền thù lao các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.050	530
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		700	350
	Thư ký khoa học		210	100
	Thư ký hành chính		210	100
	Đại biểu được mời tham dự		150	75

b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		350	180
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500	250
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch Hội đồng		500	250
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên hội đồng		350	180
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.260	630
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.050	530
	Thư ký khoa học		210	100
	Thư ký hành chính		210	100
	Đại biểu được mời tham dự		150	75
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500	250
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700	350
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ			

a	Chi hợp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch Hội đồng		1.260	630
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên hội đồng		1.050	530
	Thư ký khoa học		210	100
	Thư ký hành chính		210	100
	Đại biểu được mời tham dự		150	75
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500	250
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700	350
4	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng.	Chuyên gia	1.050	530

b) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật (nếu có).

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở.

a) Chi tiền thù lao thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa	
			Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700	350
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	500	250
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	210	100
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	150	75

3. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập: Các trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia tư vấn độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

4. Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra, đánh giá trong quá trình xây dựng nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái.

5. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái.

6. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh; nguồn kinh phí khác (nếu có).

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở: Kinh phí thực hiện từ chi thường xuyên của đơn vị cấp cơ sở và các nguồn tài chính hợp khác.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan kiểm tra, thẩm định, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

c) Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đảm bảo đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành.

2. Sở Tài chính: Chủ trì hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ để hướng dẫn thực hiện hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./

